ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY THÁI NINH

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng yên và các văn bản hiện hành)

STT	Tên danh mục thủ tục hành chính	Mức thu (đ)	Đối tượng miễn, giảm
I	**Lệ Phí Lĩnh vực chứng thực**		**Không miễn, giảm**
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	(2.000/) đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở lên thu '(1.000/) đồng/trang. Mức thu tối đa không quá '(200.000/) đồng/bản.	
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản	
3	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
5	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
6	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
7	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
II	**Lệ phí Lĩnh vực Hộ tịch**		Miễn lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014 đối với những trường hợp: đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật; đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.
1	Đăng ký hộ tịch		
a	Khai sinh đúng hạn	0	
b	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	10,000	
c	Khai tử đúng hạn	0	
d	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	10,000	
đ	đăng ký kết hôn	0	
e	Đăng ký lại kết hôn	30,000	
g	Nhận cha, mẹ, con	20,000	
h	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	20,000	
i	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	20,000	
k	Đăng ký giám hộ	0	
l	Đăng ký chấm dứt giám hộ	0	
m	Đăng ký giám sát việc giám hộ	0	
n	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	0	
2	Đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài		
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	100,000	
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử)	100,000	
c	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn; đăng ký lại kết hôn)	1,500,000	
d	Nhận cha, mẹ, con	1,500,000	
đ	Đăng ký giám hộ	60,000	
e	Đăng ký chấm dứt giám hộ	60,000	
g	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	30,000	
h	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	100,000	
III	**Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**		Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng
1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu		
a	Cá nhân, hộ gia đình	25,000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	100,000	
2	Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm)		
a	Cá nhân, hộ gia đình	20,000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	50,000	
1.3	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính		
a	Cá nhân, hộ gia đình	10,000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	30,000	

STT	Tên danh mục thủ tục hành chính	Mức thu (đ)	Đối tượng miễn, giảm
IV	**Lệ Phí Lĩnh vực đăng ký kinh doanh, công thương, an toàn vệ sinh thực phẩm**		Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình
1	Thủ tục đăng ký kinh doanh	50.000 đồng/ lần cấp	
2	Thủ tục thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	0 đồng	
3	Thủ tục thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	0 đồng	
4	Thủ tục đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinhquyền sở hữu công nghiệp	0 đồng	
5	Phí thẩm định Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai đối với cơ sở	600.000 đồng	
6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	700.000 đồng	
V	**Lệ phí cấp giấy phép xây dựng**		Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình
1	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	80,000	
2	Giấy phép xây dựng đối với công trình khác	160,000	
3	Gia hạn giấy phép xây dựng	20,000	
VI	**Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai**		
1	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai		
2	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	100.000 (không bao gồm chi phí in ấn, photô tài liệu (nếu có))	- Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Miễn, giảm phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ
VII	**Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**		Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
a	Hộ gia đình, cá nhân	200,000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	500,000	
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận		
a	Hộ gia đình, cá nhân	400,000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	600,000	
3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đính chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất		
a	Hộ gia đình, cá nhân	500,000	
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	1,500,000	
VIII	**Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**	50,000	Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
IX	**Phí đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bao gồm đăng ký biện pháp bảo đảm, đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi nội dung về biện pháp bảo đảm đã đăng ký, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm)**		Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
1	Hộ gia đình, cá nhân	300,000	
2	Tổ chức	500,000	